

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 6 – 2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị B, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/5/2024)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 15/5/2024)

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 – 4 – 2024 nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2009 được sự thống nhất của hai bên gia đình chị và anh Nguyễn Thành B đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh B có 02 người con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/8/2010 và Nguyễn Trần Thúy Qu, sinh ngày 05/7/2016, hiện các con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/5/2024 anh Nguyễn Thành B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị B kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn anh và chị B chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị B có 02 người con chung gồm Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/8/2010 và Nguyễn Trần Thúy Qu, sinh ngày 05/7/2016. Hiện các con đang sống với chị B, sau khi ly hôn anh đồng ý giao hai con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh sẽ gửi tiền để chu cấp cho các con trong khả năng của anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B đối với anh Nguyễn Thành B. Giao hai con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/8/2010 và Nguyễn Trần Thúy Qu, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Trần Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thành B là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thành B có địa chỉ tại Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thành B có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thành B kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị B và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn của chị B và anh B thực sự có xảy ra trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn được, chị B và anh B đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước anh B đồng ý ly hôn với chị B, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị B và anh B có 02 người con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/8/2010 và Nguyễn Trần Thúy Qu, sinh ngày 05/7/2016, hiện các con đang sống với chị B. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi 02 con, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước anh B đồng ý giao các con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Tại đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 22/4/2024 thì cháu Nguyễn Trần Thúy Qu và cháu Nguyễn Gia H có nguyện vọng sống với chị Trần Thị B. Đồng thời, từ khi ly thân vào năm 2017 cho đến nay các con do chị B trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về đời sống. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con tên Nguyễn Gia H và Nguyễn Trần Thúy Qu cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 11/8/2010 và Nguyễn Trần Thúy Qu, sinh ngày 05/7/2016 cho chị Trần Thị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013094 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thành B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thành B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao,
tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

